

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 47
8. Phụ lục	48 - 51

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bê tông 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Bê tông 6 (tiền thân là Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới) là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079 (số cũ 4603000013), đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	329.935.500.000 VND	
Trong đó	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đồng	19.569.030.000	5,93
Phần vốn Nhà nước (Bộ Tài chính)	310.366.470.000	94,07
Các cổ đồng khác	329.935.500.000	100,00
Cộng		

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 4 năm 2002 với mã chứng khoán là BT6.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (0650)3571617 - 3750650
Fax : (0650)3751628
E-mail : info@beton6.com
Mã số thuế : 3700364079

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 39119696
Fax : (08) 39119292

Chi nhánh Công ty cổ phần Bê tông 6:

Địa chỉ : Lô C.01& C.02, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Củ Chi, tỉnh Long An, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...);
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Dẫn tư thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thương phẩm, bê tông tươi và bê tông siêu cường (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải)



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất; Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu; Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trịnh Ngọc Hiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Trần Văn Cầu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hưng Quốc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2009
Ông Hà Thanh Mẫn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Châu Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Minh Triết	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Đua	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Thanh Dũng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Đăng Báo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2010 Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trịnh Ngọc Hiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Hà Thanh Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hưng Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Dũng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Trần Văn Cầu
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Số: 0775/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

**KÍNH GỬI: QUÍ CÓ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Béton 6 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Béton 6 (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015, từ trang 07 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Gói 2, Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây là 138.457.555.377 VND (xem thuyết minh số V.7) đang được Công ty tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đã phát sinh. Tuy nhiên vào thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa có đầy đủ bằng chứng để đánh giá khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai của khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

M.S.P.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.256.451.996.190	1.223.744.188.050
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.213.724.303	34.134.686.960
1. Tiền	111		12.119.889.180	33.074.449.744
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.093.835.123	1.060.237.216
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.809.000.000	56.309.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	58.809.000.000	56.309.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		808.249.712.015	774.709.084.987
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	639.646.232.752	602.524.666.501
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	15.673.186.751	40.957.558.624
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	180.262.400.500	159.978.411.936
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(27.332.108.088)	(28.751.552.074)
IV. Hàng tồn kho	140		341.391.684.760	324.217.506.103
1. Hàng tồn kho	141	V.7	348.432.624.602	331.258.445.945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(7.040.939.842)	(7.040.939.842)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.787.875.112	34.373.910.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		808.471.623	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		260.154.754	368.778.555
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.24	255.036.741	39.842.923
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	33.464.211.994	33.965.288.522

104
 ÔN
 NH
 T
 A
 H.T

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		390.693.723.156	401.573.718.047
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		78.481.380.964	84.554.062.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	40.084.318.856	46.157.000.337
<i>Nguyên giá</i>	222		232.127.923.300	236.813.503.064
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(192.043.604.444)	(190.656.502.727)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	38.397.062.108	38.397.062.108
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	3.331.178.400	3.331.178.400
<i>Nguyên giá</i>	241		3.331.178.400	3.331.178.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		160.077.900.583	162.862.236.593
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	151.082.030.506	153.941.366.516
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	24.656.510.000	24.656.510.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(15.660.639.923)	(15.735.639.923)
V. Tài sản dài hạn khác	260		139.601.430.226	140.541.839.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	135.869.251.474	136.809.660.309
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	3.503.978.752	3.503.978.752
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.29	228.200.000	228.200.000
VI. Lợi (hết) thương mại	269	V.20	9.201.832.983	10.284.401.548
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.647.145.719.346	1.625.317.906.097

12/1 - 2 - 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.125.294.648.613	1.119.078.480.931
I. Nợ ngắn hạn	310		1.123.825.854.638	1.117.609.686.956
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	662.773.403.300	658.690.038.341
2. Phải trả người bán	312	V.22	308.837.623.902	306.287.734.904
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	90.787.400.341	89.637.018.922
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	3.529.764.629	3.974.006.090
5. Phải trả người lao động	315	V.25	7.207.947.762	6.718.907.216
6. Chi phí phải trả	316	V.26	39.661.443.294	29.358.673.082
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	6.437.173.298	17.786.988.267
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	4.590.798.112	5.156.320.134
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.468.793.975	1.468.793.975
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	1.066.644.115	1.066.644.115
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.30	402.149.860	402.149.860
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		523.535.806.804	507.711.761.452
I. Vốn chủ sở hữu	410		523.535.806.804	507.711.761.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	329.935.500.000	329.935.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.31	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	72.592.050.024	73.235.628.693
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	121.008.256.780	104.540.632.759
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THƯỜNG SỐ	439	V.32	(1.684.736.071)	(1.472.336.286)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.647.145.719.346	1.625.317.906.097

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8.816.109.801	8.816.109.801
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.059,74	1.069,72
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2015


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu


Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	488.815.549.242	264.266.554.474
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	488.815.549.242	264.266.554.474
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	431.978.993.942	221.950.133.396
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.836.555.300	42.316.421.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.383.123.039	25.714.318.660
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.179.528.974	22.994.789.974
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.351.719.266	30.328.048.215
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.198.716.279	1.476.735.375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	22.202.004.755	27.052.392.618
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.639.428.331	16.506.821.771
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.208.413.624	1.306.357.800
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.774.914.316	109.946.312
13. Lợi nhuận khác	40		2.433.499.308	1.196.411.488
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	(73.298.443)	(2.992.653.278)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.999.629.196	14.710.579.981
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	1.807.696.546	1.329.814.467
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.191.932.650	13.380.765.514
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	V.32	(212.399.785)	(944.337.405)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14.404.332.435	14.325.102.919
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	437	434

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2015


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu


 Võ Thị Xuân Lan
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngọc Dũng
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.999.629.196	14.710.579.981
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,V.20	7.233.603.746	10.516.105.457
- Các khoản dự phòng	03	V.16	(75.030.000)	(9.218.399.412)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.13	(9.542.998)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.9	(14.704.676.097)	(22.642.125.896)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	29.351.719.266	30.328.048.215
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.795.733.113	23.694.208.345
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.331.676.961)	25.117.987.176
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.174.178.657)	(40.707.396.917)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.790.686.654)	(3.855.057.812)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		131.937.212	(2.697.293.619)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.25, VI.4	(29.369.666.266)	(30.328.048.215)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(1.615.620.880)	(8.509.564.926)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		855.004.323	1.802.041.937
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.674.234.620)	(6.301.606.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.173.389.390)	(41.784.730.422)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(113.400.000)	(2.220.216.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(2.500.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.001.520)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	37.725.394.768
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3,VI.7	282.461.774	1.871.283.037
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(1.830.938.226)	24.376.459.801

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21,V.29	374.950.070.896	387.729.578.485
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21,V.29	(370.866.705.937)	(384.459.067.529)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>4.083.364.959</i></u>	<u><i>3.270.510.956</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(20.920.962.657)	(14.137.759.665)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	34.134.686.960	27.340.692.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>13.213.724.303</u>	<u>13.202.932.440</u>

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2015


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu


 Võ Thị Xuân Lan
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Ngọc Dũng
 Tổng Giám đốc

244987
 NG T
 HIỆM HỘ
 AN VÀ T
 & C
 T.P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần bê tông 6 (sau đây gọi tắt là "Công ty") 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công hàng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình.

- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Km 1877, Quốc lộ 1K, ấp Châu Thới, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	99,85%	99,85%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	45B/12, Quốc lộ 1K, ấp Nội Hóa 2, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần Bestcon	Tầng 14, tòa nhà salling tower, 111 pasteur, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	74,00%	74,00%

6. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	20,83%	20,83%
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	24,27%	24,27%



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Danh sách công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	107/C đường tỉnh 884, ấp 1, xã Sơn Đông, tỉnh Bến Tre	Đang trong quá trình giải thể
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	46 đường 14, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Dự kiến thanh lý
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 ĐăkLăk	02 đường Trịnh Văn Cấn, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐăkLăk	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Áp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Dự kiến thanh lý

Hiện tại Tập đoàn dự kiến thanh lý các khoản đầu tư này. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, toàn bộ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này đã lập dự phòng (xem thuyết minh số V.14).

8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 Tập đoàn có 772 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 761 nhân viên).

9. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do khối lượng sản phẩm bê tông bán ra tăng mạnh. Công ty đang đẩy mạnh sản xuất và cung ứng các loại sản phẩm bê tông trên thị trường để phát triển hoạt động mũi nhọn của Công ty.

Trong kỳ, Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Công ty cổ phần đầu tư VBA tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi và Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất sau đó chuyển nhượng toàn bộ phần vốn sở hữu mà Công ty đang nắm giữ tại hai Công ty này cho Ông Trần Nguyễn Vũ, tổng giá trị chuyển nhượng là 37.012.400.000 VND theo hợp đồng số 01/HDCNCP ngày 20 tháng 01 năm 2015.

Dại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thống nhất kế hoạch xin hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu BT6 tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo đúng quy định hiện hành.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sẽ áp dụng các qui định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập và trình bày theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán này theo qui định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần beton 6 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hoạt động sản xuất, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây dựng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 15

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 08 đến 20 năm.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá phát sinh có đánh giá lại giá trị tài sản thuần tại ngày mua của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico. Quyền khai thác mỏ đá được khấu hao trong 226 tháng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nội trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

Chi phí tư vấn lập dự án

Chi phí tư vấn lập dự án Đường trên cao số 1. Chi phí này sẽ được phân bổ khi Công ty tham gia đấu thầu công trình.

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép

Chi phí chuyển giao công nghệ Bê tông cốt thép theo hợp đồng chuyển giao. Chi phí này sẽ được phân bổ khi Công ty tham gia đấu thầu công trình.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được phân bổ với thời gian không quá 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích theo các cam kết với khách hàng.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Mục đích	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10% vốn điều lệ
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	

Mức trích lập của các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2015 : 21.780 VND/USD
31/12/2014 : 21.361 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4087
IG T
IÊN H
N VÀ T
& C
PHO

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	198.869.972	1.269.584.705
Tiền gửi ngân hàng	11.921.019.208	31.804.865.039
Các khoản tương đương tiền (*)	1.093.835.123	1.060.237.216
Cộng	13.213.724.303	34.134.686.960

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

Tiền gửi ngân hàng có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 447.497.375 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Phú Lâm có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.670.149.180 VND chỉ có thể giao dịch cho các nghiệp vụ liên quan đến Công trình Cầu Ông Bằng.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Cho Công ty TNHH một thành viên 3D Long Hậu vay với lãi suất 12%/năm	53.309.000.000	53.309.000.000
- Cho Công ty cổ phần Synectics vay không lãi suất	2.500.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>58.809.000.000</u>	<u>56.309.000.000</u>

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 3.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động xây lắp	300.176.500.131	316.050.556.600
Sản phẩm bê tông	218.572.665.266	205.304.567.234
Hoạt động khác	90.897.067.355	81.169.542.667
Cộng	<u>639.646.232.752</u>	<u>602.524.666.501</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà thầu thi công	3.807.965.081	3.758.862.762
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	3.590.906.336	35.363.803.512
Các nhà cung cấp khác	8.274.315.334	1.834.892.350
Cộng	<u>15.673.186.751</u>	<u>40.957.558.624</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư)	1.611.920.316	1.611.920.316
Cổ tức phải thu	4.829.618.533	8.202.082.038
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (vay hộ)	2.109.460.846	2.109.460.846
Lãi dự thu tiền cho vay	26.419.534.848	23.203.225.181
Chuyển nhượng vốn phải thu	41.380.000.000	58.780.000.000
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	94.390.848.000	55.490.848.000
Công ty cổ phần 620 Long An - Tạm ứng công trình cầu Mỹ Lợi	-	910.873.243
Tiền cho mượn	9.094.662.450	9.094.662.450
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	134.759.334
Các khoản khác	426.355.607	440.580.528
Cộng	<u>180.262.400.600</u>	<u>159.978.411.936</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	789.250.000	789.250.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	26.542.858.088	27.962.302.074
Cộng	<u>27.332.108.088</u>	<u>28.751.552.074</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	27.332.108.088	29.637.518.736
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	(274.298.116)
Số cuối năm	<u>27.332.108.088</u>	<u>29.363.220.620</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	26.492.855.153	16.323.258.381
Công cụ, dụng cụ	718.933.863	746.795.622
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	213.872.475.527	242.273.507.741
Thành phẩm	98.837.335.423	68.229.164.814
Hàng hóa	6.106.860.654	1.282.555.402
Hàng gửi đi bán	2.403.163.982	2.403.163.982
Cộng	<u>348.432.624.602</u>	<u>331.258.445.945</u>

(*) Trong đó, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Gói 2 và Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây với số tiền là 138.457.555.377 VND đang được Công ty cổ phần Beton 6 tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đã phát sinh.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.322.969.654	1.192.465.184
Thành phẩm	4.717.970.188	5.848.474.658
Cộng	<u>7.040.939.842</u>	<u>7.040.939.842</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	29.675.238.089	29.928.561.786
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.788.973.905	4.036.726.736
Cộng	<u>33.464.211.994</u>	<u>33.965.288.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	27.347.938.377	106.524.509.049	80.152.030.422	3.380.116.581	19.409.108.635	236.813.503.064
Mua sắm trong năm	-	-	13.400.000	-	-	13.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.798.979.764)	-	-	-	(4.798.979.764)
Số cuối kỳ	<u>27.347.938.377</u>	<u>101.725.529.285</u>	<u>80.265.430.422</u>	<u>3.380.116.581</u>	<u>19.409.108.635</u>	<u>232.127.923.300</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.703.405.763	49.980.698.328	55.449.615.509	2.275.251.296	5.398.204.660	123.807.276.056
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	15.773.476.750	84.563.597.779	71.507.750.560	3.191.814.661	15.519.862.977	190.656.502.727
Khấu hao trong năm	307.071.474	3.532.079.366	1.589.203.245	57.263.963	655.412.112	6.151.035.160
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	35.046.321	-	-	-	-	35.046.321
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.798.979.764)	-	-	-	(4.798.979.764)
Số cuối kỳ	<u>16.115.594.545</u>	<u>83.396.697.381</u>	<u>73.096.953.805</u>	<u>3.259.083.624</u>	<u>16.175.275.089</u>	<u>192.043.604.444</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.574.461.627	21.860.711.270	8.644.279.862	188.301.920	3.889.245.658	46.157.000.337
Số cuối kỳ	<u>11.232.343.832</u>	<u>18.328.631.904</u>	<u>7.168.476.617</u>	<u>121.032.957</u>	<u>3.233.833.546</u>	<u>40.084.318.856</u>
<i>Trong đó:</i>						
Ta n thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình là 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270, 2 xe cẩu bánh xích, 1 xe đào bánh xích và hệ thống xử lý nước thải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.527.783.089 VND và 6.011.105.218 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.21).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	2.930.687.282	2.930.687.282
XDCB dở dang	35.466.374.826	35.466.374.826
- Công trình mở rộng bãi dờ	8.586.545.434	8.586.545.434
- Công trình Nhà máy Bê tông Long Hậu – tại Khu Công nghiệp Long Hậu, Long An	26.472.583.619	26.472.583.619
- Dự án nhà ở Châu Thới	407.245.773	407.245.773
Cộng	<u>38.397.062.108</u>	<u>38.397.062.108</u>

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIẾT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu ⁽ⁱ⁾	Kiểm định vật liệu xây dựng, kiểm định công trình	1.150.000.000	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất sản phẩm bê tông	33.000.000.000	99,85%	99,85%	99,85%	99,85%
Công ty cổ phần Bestcon ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Xây dựng công trình	20.000.000.000	74,00%	74,00%	74,00%	74,00%

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu với số tiền 690.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700669521 ngày 22 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 với số tiền 59.370.538.009 VND, tương đương 99,85% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312210690 ngày 29 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Bestcon là 14.800.000.000 VND, tương đương 74% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 4.500.000.000 VND, tương đương 19,5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Bestcon là 1.0300.000.000 VND.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới ⁽ⁱ⁾	Sản xuất sản phẩm bê tông	20,83%	16.631.666.527	20,83%	15.854.067.700
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	Xây dựng	45,00%	815.200.000	45,00%	815.200.000
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Đầu tư xây dựng	30,00%	300.000.000	30,00%	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam ^(iv)	Sản xuất sản phẩm bê tông, vật liệu xây dựng	40,00%	3.400.000.000	40,00%	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang ^(v)	Sản xuất sản phẩm bê tông	40,00%	1.000.000.000	40,00%	1.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk ^(vi)	Đầu tư trồng rừng	50,00%	6.620.000.000	50,00%	6.620.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai ^(vii)	Thương mại	49,00%	41.384.605.290	49,00%	43.914.258.374
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp ^(viii)	Xây lắp	24,27%	80.930.558.689	24,27%	79.251.802.875
Cộng			151.082.030.506		153.941.366.516

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500419552, thay đổi lần 07 ngày 19 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000012 ngày 26 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre 815.200.000 VND, tương đương 15,00% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102041657 ngày 02 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới 300.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000225 ngày 20 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam 4.000.000.000 VND, tương đương 40,00% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 3.400.000.000 VND, tương đương 34% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 642031000001 ngày 28 tháng 4 năm 2008 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang 12.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 1.000.000.000 VND, tương đương 3,33% vốn điều lệ. Vào ngày 12 tháng 7 năm 2010, Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang đã giải thể theo Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang số 53/QĐ. BQL - QLĐT.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4003000185 ngày 13 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk 9.000.000.000 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 6.620.000.000 VND, tương đương 36,77% vốn điều lệ.

(vii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai 44.218.720.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

(viii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp 50.000.000.000 VND, tương đương 24,27% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm trang 48.

(c) Các khoản đầu tư vào các công ty này đã lập dự phòng 100% giá trị đầu tư (xem thuyết minh V.17)



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		7.996.510.000		7.996.510.000
- Công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
- Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	89.925	846.510.000	89.925	846.510.000
Đầu tư vào đơn vị khác		16.660.000.000		53.033.968.268
- Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
- Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ	1.516.000	15.160.000.000	1.516.000	15.160.000.000
Cộng		24.656.510.000		24.656.510.000

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết do không lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu	12.135.200.000	12.135.200.000
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.525.439.923	3.600.439.923
Cộng	15.660.639.923	15.735.639.923

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	15.735.639.923	24.693.219.335
Hoàn nhập	(75.000.000)	(8.957.579.412)
Số cuối năm	15.660.639.923	15.735.639.923

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa	1.700.811.172	-	(733.909.698)	966.901.474
Chi phí tư vấn lập dự án	1.650.000.000	-	-	1.650.000.000
Chi phí chuyên giao công nghệ bê tông cốt thép	4.207.200.000	-	-	4.207.200.000
Tiền thuê đất ⁽ⁱ⁾	129.045.150.000	-	-	129.045.150.000
Công cụ, dụng cụ	206.499.137	-	(206.499.137)	-
Cộng	136.809.660.309	-	(940.408.835)	135.869.251.474

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

19. Tài sản dài hạn khác

Khoản đặt cọc thuê container và đặt cọc khác.

19/03/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Lợi thế thương mại		
Chi phí		21.651.371.722
Số đầu năm		<u>21.651.371.722</u>
Số cuối kỳ		
Số đã phân bổ		
Số đầu năm		11.366.970.153
Phân bổ trong năm		<u>1.082.568.586</u>
Số cuối kỳ		<u>12.449.538.739</u>
Số còn phải phân bổ		
Số đầu năm		10.284.401.569
Số cuối kỳ		<u>9.201.832.983</u>
21. Vay và nợ ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	657.593.714.474	652.831.880.689
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam⁽¹⁾</i>	68.890.480.601	92.329.276.290
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn⁽²⁾</i>	77.950.488.861	103.668.938.477
<i>Ngân hàng TNHH Indovina⁽³⁾</i>	153.590.844.851	157.693.304.059
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định</i>	-	44.450.932.950
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP Hồ Chí Minh⁽⁴⁾</i>	237.174.929.542	145.295.072.628
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh⁽⁵⁾</i>	119.987.030.619	109.394.356.285
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân ⁽⁶⁾	4.150.000.000	3.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	1.029.628.826	2.058.157.652
Cộng	<u>662.773.403.300</u>	<u>658.690.038.341</u>
⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.		
⁽²⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mẹ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn.		
⁽³⁾ Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.		
⁽⁴⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp, có thể chấp bổ sung quyền sử dụng đất.		
⁽⁵⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mẹ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.		

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km: 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

⁽⁹⁾ Khoản vay Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Descon của Công ty cổ phần Bestcon không trả lãi có thời hạn 1 năm. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	652.831.880.689	374.600.070.896	(369.838.177.111)	657.593.774.474
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.800.000.000	350.000.000	-	4.150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.058.157.652	-	(1.028.528.826)	1.029.628.826
Cộng	658.690.038.341	374.950.070.896	(370.866.705.937)	662.773.403.300

22. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp cáp	20.482.670.415	16.398.807.305
Nhà cung cấp cát	6.191.239.330	7.114.229.503
Nhà cung cấp đá	3.690.849.400	2.636.401.779
Nhà cung cấp sắt	73.356.441.389	78.844.882.709
Nhà cung cấp phụ gia	6.516.969.574	7.381.580.266
Nhà cung cấp xi măng	21.932.032.330	23.335.598.110
Công ty cổ phần Long Hậu	89.412.552.246	89.412.552.246
Nhà cung cấp khác	87.254.869.218	81.163.682.986
Cộng	308.837.623.902	306.287.734.904

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	63.900.082.543	83.772.095.596
Các khoản trả trước mua hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ	26.887.317.796	5.864.923.326
Cộng	90.787.400.341	89.637.018.922

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.012.218.740	1.502.132.362	(2.107.358.639)	-	1.406.992.463
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.248.823.301	(2.462.690.819)	-	(213.867.518)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	52.432.252	(53.758.552)	-	(1.326.300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽¹⁾	1.576.347.251	1.807.696.516	(1.615.620.880)	(268.909)	1.768.154.008
Thuế thu nhập cá nhân	345.597.175	552.432.203	(583.254.143)	-	314.775.235
Tiền thuế đất	-	1.425.849.282	(1.425.849.282)	-	-
Các loại thuế khác	-	42.754.751	(42.754.751)	-	-
Cộng	3.934.163.166	7.632.120.697	(8.291.287.066)	(268.909)	3.274.727.888

⁽¹⁾ Các khoản nộp thừa của Công ty cổ phần Bê tông 6, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu là 255.036.741 VND (số đầu năm là 39.842.923 VND) được trình bày ở chi tiêu thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thi công công trình cho các dự án ODA:	Không chịu thuế
- Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển:	10%
- Hàng hóa khác:	05% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập chịu thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ của Công ty cổ phần Beton 6.

Thuế nhà thầu

Áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính đối với dịch vụ tư vấn.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất của các công ty trong Tập đoàn được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế và phí khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

26. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển	-	1.154.545.454
Chi phí lãi vay	131.572.603	149.519.603
Chi phí lãi trả chậm	10.602.730.042	10.602.730.042
Chi phí dịch vụ tư vấn hoạt động	5.038.814.302	-
Chi phí công trình	23.516.688.854	16.822.570.953
Chi phí phải trả khác	371.637.493	629.307.030
Cộng	39.661.443.294	29.358.673.082

27. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kinh phí công đoàn	2.909.151.194	2.288.979.631
Cổ tức phải trả	272.532.512	272.532.512
Tam nhập kho nguyên vật liệu, hàng hóa	1.239.332.348	8.408.131.468
Các khoản phải trả khác	2.016.457.244	6.817.344.656
Cộng	6.437.473.298	17.786.988.267

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Giảm khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.429.060.455	-	-	(156.500.000)	1.272.560.455
Quỹ phúc lợi	530.868.530	2.000.000	-	(349.830.000)	183.038.530
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.445.124.200	85.680.429	-	(111.826.133)	2.418.978.496
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	751.266.949	-	(35.046.318)	-	716.220.631
Cộng	5.156.320.134	87.680.429	(35.046.318)	(618.156.133)	4.590.798.112

29. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱ⁾	831.644.115	831.644.115
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	235.000.000	235.000.000
Cộng	1.066.644.115	1.066.644.115

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 để mua mới 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 với lãi suất 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính 05 chiếc xe trộn bê tông Hyundai HD270.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để mua máy móc thiết bị với lãi suất 12,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 02 chiếc xe cần cẩu bánh xích và 01 chiếc xe đào đã qua sử dụng

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.029.628.826	2.058.157.652
Trên 01 năm đến 05 năm	1.066.644.115	1.066.644.115
Tổng nợ	2.096.272.941	3.124.801.767

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.066.644.115	5.575.608.072
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(967.051.156)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(2.885.000.000)
Số cuối kỳ	1.066.644.115	1.723.556.916

30. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

31. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	329.935.500.000	72.682.527.189	38.683.552.389	441.301.579.578
Lợi nhuận trong năm	-	-	49.913.406.874	49.913.406.874
Trích lập các quỹ trong năm	-	553.101.504	(553.101.504)	-
Hủy thanh toán cổ tức năm trước	-	-	16.496.775.000	16.496.775.000
Số dư cuối năm trước	329.935.500.000	73.235.628.693	104.540.632.759	507.711.761.452
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	73.235.628.693	104.540.632.759	507.711.761.452
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	14.404.332.435	14.404.332.435
Tăng, giảm khác	-	(643.578.669)	2.063.291.586	1.419.712.917
Số dư cuối kỳ	329.935.500.000	72.592.050.024	121.008.256.780	523.535.806.804

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.472.336.286)	32.301.541.743
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(212.399.785)	(944.337.405)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(33.232.907.561)
Số cuối kỳ	(1.684.736.071)	(1.875.703.223)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	186.769.069.442	97.822.790.549
Doanh thu sản phẩm bê tông	226.386.587.641	143.757.403.784
Doanh thu khác	75.659.892.159	22.686.360.141
Cộng	488.815.549.242	264.266.554.474

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	166.649.185.700	79.030.565.494
Giá vốn của sản phẩm bê tông	188.035.735.200	120.494.882.716
Giá vốn khác	77.294.073.042	22.424.685.186
Cộng	431.978.993.942	221.950.133.396

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	74.920.257	79.539.486
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	111.755.240	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.947.200	41.938.400
Lãi cho vay	3.216.309.667	3.216.309.667
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	10.913.962.433	8.866.210.210
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.685.244	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.542.998	-
Cộng	14.383.123.039	25.714.318.660

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	29.351.719.266	30.328.048.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.644.684	134.199.180
Lãi trả chậm	799.165.024	1.750.941.991
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(75.000.000)	(9.218.399.412)
Cộng	30.179.528.974	22.994.789.974

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	4.758.654.030	1.032.591.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	12.769.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.587.271	427.674.332
Chi phí khác	438.474.978	3.700.000
Cộng	5.198.716.279	1.476.735.375

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	666.714.918	1.171.167.325
Chi phí nhân công	5.563.215.675	12.263.041.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.268.958	245.855.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	558.817.519	651.891.598
Phân bổ lợi thế thương mại	1.082.568.586	1.406.287.709
Chi phí khác	14.263.419.099	11.314.149.285
Cộng	22.202.004.755	27.052.392.618

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	500.000.000	-
Lãi nhận được từ tiền bảo hành công trình	1.753.159.184	-
Chiết khấu	1.687.260.200	1.253.608.400
Các khoản thu nhập khác	267.994.240	52.749.400
Cộng	4.208.413.624	1.306.357.800

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	501.400.000	-
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	35.214.680	27.971.396
Giá trị công trình bị xuất toán	460.475.819	-
Xử lý các khoản đặt cọc do thanh lý trước thời hạn hợp đồng	451.497.487	-
Các khoản chi phí khác	326.326.330	81.974.916
Cộng	1.774.914.316	109.946.312

9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	777.598.827	(2.212.264.127)
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	(2.529.653.084)	(3.190.252.042)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	-	2.590.314.246
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung	-	(180.451.355)
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	1.678.755.814	-
Cộng	(73.298.443)	(2.992.653.278)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	14.404.332.435	14.325.102.919
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.404.332.435	14.325.102.919
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.993.550	32.993.550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	437	434

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.937.590.355	157.646.615.861
Chi phí nhân công	52.129.825.692	42.322.382.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.233.603.746	10.516.105.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.694.404.468	5.907.125.948
Chi phí khác	81.756.317.424	72.794.551.922
Cộng	311.751.741.685	289.186.781.899

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nhận chuyển nhượng cổ phần bằng cách nhận các khoản nợ	23.312.400.000	-
Chuyển nhượng cổ phần bằng cách nhận các khoản nợ	37.012.400.000	-
Nhận cổ tức bằng cách cản trừ công nợ	3.372.463.505	-
Cộng	63.697.263.505	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết góp vốn

Công ty cổ phần beton 6 tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6 và Công ty cổ phần Bestcon. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào các công ty này là 10.300.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan là 6.200.000.000 VND.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	462.000.000	1.797.809.822
Thù lao được hưởng	-	132.000.000
Tiền thưởng	29.377.000	350.307.800
Cộng	491.377.000	2.280.117.622

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối Vật liệu Sao Mai	Công ty liên kết
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Công ty con của Công ty cổ phần Cung ứng và Phân phối Vật liệu Sao Mai
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần thương mại đầu tư IIB	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Mascon	Cổ đông nắm giữ 18,90% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	Cổ đông nắm giữ 7,89% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần Tri Việt Hội An	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới		
Cổ tức	-	437.500.000
Thi công công trình	16.219.000.000	87.780.000
Mua hàng hóa		
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An		
Thi công công trình	85.605.390	-
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai		
Góp vốn	-	75.918.720.000
Thoái vốn	-	31.700.000.000
Mua nguyên vật liệu	21.733.064.105	15.451.514.469
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp		
Hàn sản phẩm	5.196.563.120	-
Vay tiền	350.000.000	-
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt		
Hợp tác đầu tư	38.900.000.000	55.490.848.000

Giao dịch với các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 18/77, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5 tháng đầu của năm: tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới</i> Cổ tức được chia	-	3.437.500.000
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam</i> Cho mượn tiền	125.656.693	125.656.693
<i>Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre</i> Bán sản phẩm Bê tông	1.531.194.602	1.531.194.602
Vay hộ	2.109.460.846	2.109.460.846
Cổ tức phải thu	87.043.333	87.043.333
Cho mượn:	100.000.000	100.000.000
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên</i> Thi công công trình	690.817.879	690.817.879
<i>Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB</i> Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	3.212.873.160	9.612.873.160
<i>Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp</i> Bán sản phẩm	3.965.267.120	-
<i>Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico</i> Cổ tức được chia	3.022.408.000	3.022.408.000
Lãi cho vay	4.742.575.200	4.742.575.200
<i>Công ty TNHH Masco</i> Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu		25.650.036.182
<i>Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt</i> Hợp tác đầu tư	94.390.848.000	55.490.848.000
Cộng nợ phải thu	113.978.144.833	106.600.413.895
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới</i> Mua hàng hóa	1.882.286.495	-
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên</i> Phí tổng thầu	11.313.500	11.313.500
<i>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</i> Ứng trước thi công công trình	1.974.303.619	2.059.909.009
<i>Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp</i> Bán sản phẩm	115.200.002	115.200.002
Vay tiền	4.150.000.000	3.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu</i>		
<i>Sao Mai</i>		
Mua nguyên vật liệu	11.399.233.186	31.417.464.597
Cộng nợ phải trả	<u>19.532.336.802</u>	<u>37.103.887.108</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, dầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: Bán vật tư, dịch vụ lao phông và vận chuyển.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm từ trang 49 đến trang 51.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.542.796.512	4.198.449.024
Trên 01 năm đến 05 năm	5.704.061.549	3.778.604.122
Cộng	<u>7.246.858.061</u>	<u>7.977.053.146</u>

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

004
:ON
HÀNH
TOÁN
A 8
H-TF

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Đối với hoạt động bán thành phẩm và thương mại: khách hàng ứng trước từ 10% đến 30% giá trị khi ký kết hợp đồng kinh tế và thanh toán phần còn lại giá trị trước khi giao hàng cho các khách hàng mới; các khách hàng truyền thống sẽ thanh toán sau khi giao hàng.

Đối với hoạt động xây dựng: Chủ đầu tư thường ứng trước tiền khi thi công từng giai đoạn và Tập đoàn ghi nhận phải thu xây dựng đối với phần chênh lệch giữa giá trị khối lượng quyết toán từng giai đoạn và khoản ứng trước tiền thi công.

Các công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi và nhờ bộ phận pháp lý của Tập đoàn can thiệp khi cần thiết. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khách hàng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho Công ty TNHH một thành viên 3D – Long Hậu vay tiền. Hiện tại, Tập đoàn đang bao tiêu toàn bộ sản phẩm của Công ty TNHH một thành viên 3D – Long Hậu và đang xem xét phương án để xử lý khoản nợ này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.213.724.303	-	-	13.213.724.303
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	609.646.526.385	6.259.100.401	25.240.605.966	639.646.232.752
Các khoản cho vay	55.809.000.000	-	-	55.809.000.000
Các khoản phải thu khác	181.340.783.697	242.129.936	2.492.160.872	184.075.074.505
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.160.000.000	-	9.496.510.000	24.656.510.000
Cộng	878.170.034.385	6.501.230.337	37.229.276.838	920.400.541.560
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.134.686.960	-	-	34.134.686.960
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	572.524.960.134	4.759.100.401	25.240.605.966	602.524.666.501
Các khoản cho vay	53.309.000.000	-	-	53.309.000.000
Các khoản phải thu khác	161.275.323.316	242.129.936	2.492.160.872	164.009.614.124
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.160.000.000	-	9.496.510.000	24.656.510.000
Cộng	839.403.970.410	5.001.230.337	37.229.276.838	881.634.477.585

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	1.500.000.000	3.000.000.000
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	3.000.000.000	882.870.860
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	906.350.796	242.129.936
Quá hạn trên 03 năm	1.094.879.541	876.229.541
Cộng	6.501.230.337	5.001.230.337

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	682.232.005.028	1.226.072.129	683.458.077.156
Phải trả người bán	308.837.623.902	-	308.837.623.902
Các khoản phải trả khác	39.983.121.345	-	39.983.121.345
Cộng	1.031.052.750.275	1.226.072.129	1.032.278.822.403
Số đầu năm			
Vay và nợ	685.416.053.504	1.201.363.045	686.617.416.549
Phải trả người bán	306.287.734.904	-	306.287.734.904
Các khoản phải trả khác	36.914.964.649	-	36.914.964.649
Cộng	1.028.618.753.057	1.201.363.045	1.029.820.116.102

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông 6 cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng là có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản cho vay	53.309.000.000	53.309.000.000
Vay và nợ	<u>(659.690.047.415)</u>	<u>(655.956.682.456)</u>
Tài sản/ (Nợ phải trả) thuần	<u>(603.381.047.415)</u>	<u>(599.647.682.456)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.412.744.340 VND (năm trước giảm/tăng 9.354.503.846 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác là tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 3.447.497.375 VND và 27.979.256.457 VND (xem thuyết minh V.1 và V.2).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.213.724.303	-	34.134.686.960	-	13.213.724.303	34.134.686.960
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	639.646.232.752	(24.451.355.966)	602.524.666.501	(24.451.355.966)	615.194.876.786	578.073.310.535
Các khoản cho vay	55.309.000.000	-	53.309.000.000	-	55.809.000.000	53.309.000.000
Các khoản phải thu khác	84.075.074.505	(2.492.160.872)	164.009.614.124	(2.492.160.872)	181.582.913.633	161.517.453.252
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.656.510.000	(3.525.439.923)	24.656.510.000	(3.600.439.923)	21.131.070.077	21.056.070.077
Cộng	920.400.541.560	(30.468.956.761)	881.634.477.585	(30.543.956.761)	889.931.584.799	851.090.520.824

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	663.840.047.415	659.755.682.456	663.840.047.415	659.755.682.456
Phải trả người bán	308.837.623.902	306.287.734.904	308.837.623.902	306.287.734.904
Các khoản phải trả khác	19.983.121.345	36.914.964.649	39.983.121.345	36.914.964.649
Cộng	1.012.660.792.662	1.002.959.382.009	1.012.660.792.662	1.002.959.382.009

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km. 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Di An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thông tin khác

Theo Hợp đồng thuê đất số 20/2010/HĐTĐ-LHC-MAR ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thuê 03 lô đất trong Khu công nghiệp Long Hậu với tổng diện tích là 66.177 m² và tổng giá trị phải thanh toán theo Hợp đồng là 141.949.665.000 (Đã bao gồm VAT). Tổng số tiền Công ty đã thanh toán đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 51.284.933.000 VND. Do nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế bị thu hẹp nên Công ty dự kiến sẽ trả lại bớt diện tích đất đã thuê (lô C01) đồng thời điều chỉnh lại kế hoạch thanh toán và thống nhất tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa đạt được sự thỏa thuận với Công ty cổ phần Long Hậu.


Hiện tại, Công ty chưa ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm liên quan đến tiền thuê đất phải trả cho Công ty cổ phần Long Hậu với số tiền khoảng 4.179.645.915 VND. Công ty cũng chưa phân bổ chi phí tiền thuê đất đang ghi nhận trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn vào kết quả hoạt động kinh doanh với số cần phải phân bổ trong kỳ và lũy kế đến cuối kỳ lần lượt là 1.387.582.258 VND và 12.488.240.323 VND (ước tính theo tổng số tiền thuê phải trả và thời hạn thuê của Hợp đồng đã ký kết).


Công ty sẽ hạch toán đầy đủ theo qui định các khoản có liên quan đến Hợp đồng thuê đất này sau khi đã thống nhất với Công ty cổ phần Long Hậu về các vấn đề nêu trên.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2015


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu


Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Chi tiết giá trị phần sở hữu của Tập Đoàn tại các công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần chuyển nhượng	Lãi(Lỗ) thanh lý	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần bê tông 620 Chiêu Lợi	15.854.067.700	777.598.877	-	-	16.631.666.577
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (*)	815.200.000	-	-	-	815.200.000
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thuận (*)	300.000.000	-	-	-	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam (**)	3.400.000.000	-	-	-	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang (*)	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk (*)	6.620.000.000	-	-	-	6.620.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi (**)	2.786.037.567	-	(13.700.000.000)	10.913.962.433	-
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	79.251.802.875	1.678.755.814	-	-	80.930.558.689
Công ty cổ phần cung ứng và phát phối vật liệu Sao Mai	43.914.758.374	(2.529.653.084)	-	-	41.384.605.290
Cộng	153.941.366.516	(73.298.443)	(13.700.000.000)	10.913.962.433	151.082.030.506

(*) Các khoản đầu tư vào các công ty này đã lập dự phòng 100% giá trị đầu tư (xem thuyết minh V.16)

(**) Công ty đã chuyển nhượng 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi cho Ông Trần Nguyễn Vũ theo hợp đồng số 01/HĐCNCIP ngày 20 tháng 01 năm 2015

8/06/2015
Bị cáo đồng, ngày 10 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu

Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, thị xã DT An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lom không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	186.769.069.442	226.386.587.641	75.659.892.159	-	488.815.549.242
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	2.127.245.080	(2.127.245.080)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.769.069.442	226.386.587.641	77.787.137.239	(2.127.245.080)	488.815.549.242
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.119.883.742	33.152.136.162	(1.634.180.883)	-	51.637.839.021
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(22.202.004.755)
Lợi nhuận (trị hoạt động kinh doanh)	-	-	-	-	29.435.834.266
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	14.383.123.059
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(30.179.528.974)
Thu nhập khác	-	-	-	-	4.208.413.624
Chi phí khác	-	-	-	-	(1.774.914.316)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	(73.298.443)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(1.807.696.546)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	14.191.932.650
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	113.400.000	-	-	113.400.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.077.525.264	5.353.063.590	1.778.470.048	-	8.209.058.902
Tổng giá trị các khoản chi phí lom không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 18/7, Quốc lộ 1K, xã Bình An, thị xã Di An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước	97.822.790.549	143.757.403.784	22.686.360.141	-	-	264.266.554.474
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	-	3.001.772.185	(3.001.772.186)	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	97.822.790.549	143.757.403.784	25.688.132.327	(3.001.772.186)	264.266.554.474	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.792.225.055	22.030.120.217	17.340.431	-	-	40.839.685.703
Kết quả kinh doanh theo bộ phận						(27.052.392.618)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						13.787.293.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						25.714.318.660
Doanh thu hoạt động tài chính						(22.994.789.974)
Chi phí tài chính						1.506.357.800
Thu nhập khác						(109.946.312)
Chi phí khác						(2.992.653.278)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						(1.329.814.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						13.380.765.514
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						6.427.416.484
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	5.679.574.000	747.842.484	-	-	6.427.416.484
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.038.240.099	6.135.078.481	4.247.465.631	-	-	12.420.784.211

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu



Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH LIỆP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND		
	Lĩnh vực xây	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	515.702.026.884	515.588.592.287	83.746.002.533
Tài sản phân bổ cho bộ phận	6.193.340.304	20.327.390.031	13.563.588.521
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	89.626.873.093	138.141.457.379	8.974.317.617
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả	-	-	-
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	560.866.336.936	465.339.598.840	86.968.279.259
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9.823.565.682	21.197.875.223	15.135.559.432
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	102.540.307.734	120.376.299.637	9.006.213.195
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả	-	-	-

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2015



Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc